

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chuyển số lượng (lần 05) các mặt hàng trúng thầu****Gói thầu số 01: Thuốc Generic****GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/05/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu và các vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019;

Xét đề nghị của các đơn vị về việc điều chuyển số lượng các mặt hàng trúng thầu của gói thầu số 01: Thuốc Generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu và các vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ dược Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

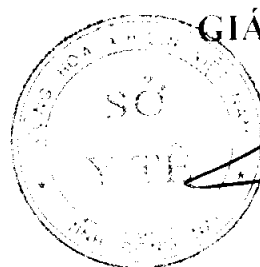
Điều 1. Điều chuyển (lần 05) số lượng 49 mặt hàng trúng thầu gói thầu số 01: Thuốc Generic (Đính kèm phụ lục các mặt hàng, số lượng trước điều chuyển và sau điều chuyển của các đơn vị).

Điều 2. Các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh (gọi chung là các đơn vị); các nhà thầu có mặt hàng trúng thầu được điều chuyển (lần 05) tại Điều 1 căn cứ vào Quyết định này để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các đơn vị và các nhà thầu có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website SYT (đăng tải);
- BHXH tỉnh (để phối hợp chi đạo);
- Lưu: VT, NVD.

**GIÁM ĐỐC****Phan Huy Anh Vũ**

PHỤ LỤC
DANH MỤC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU ĐIỀU CHUYỂN (LẦN 05)
GÓI THẦU SỐ 01: THUỐC GENERIC

(Đính kèm Quyết định số 752/QĐ-SYT ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Sở Y tế)

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

STT	STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
1	1808	TT0540-01	Clopidogrel (dạng bisulfat)	75mg	Viên nén bao phim	Dogrel SaVi	VD-17939-12	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1.280	Công ty cổ phần dược phẩm: Savi	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI		
															100.000	100.000	0	387.500	100.000	487.500
2	124	TPA05-3401	Dopamin HCL	200mg/5ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Dopamin Hydrochloride USP 40mg/ml	VN-15124-12	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Germany	Hộp 100 ống tiêm 5ml	Ống	19.450	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI		
															300	100	200	400	100	700
3	124	TPA05-3401	Dopamin HCL	200mg/5ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Dopamin Hydrochloride USP 40mg/ml	VN-15124-12	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Germany	Hộp 100 ống tiêm 5ml	Ống	19.450	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI		
															1.000	200	800	400	200	700
4	689	TP0748-01	Mesalazin	500mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	SaVi Mesalazine 500	VD-17946-12	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	8.000	Công ty TNHH dược phẩm An	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI		
															15.000	2.000	13.000	5.000	2.000	9.000

STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
689	TP0748 01	Mesalazin	500mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	SaVi Mesalazine 500	VD-17946-12	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	8.000	Công ty TNHH dược phẩm An	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			
														5.000	2.000	3.000	5.000	2.000	3.000	
1130	TV003 003	Diclofenac	75mg/3 ml	Dung dịch tiêm	Diclofenac	VD-25829-16	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 1 vi x 10 ống x 3ml	Ống	1.050	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			
														2.500	2.000	500	0	2.000	3.000	
1130	TV003 003	Diclofenac	75mg/3 ml	Dung dịch tiêm	Diclofenac	VD-25829-16	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 1 vi x 10 ống x 3ml	Ống	1.050	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			
														16.000	1.000	14.000	0	1.000	3.000	
211	TPA01 3401	Levetiracetam	500mg	Viên nén bao phim	Leracet 500mg Film-coated tablets	VN-20686-17	J.Uriach Y Compania.S.A	Tây Ban Nha	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên	14.700	Công ty TNHH dược phẩm Đức Anh	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI			
														30.000	3.000	27.000	1.000	3.000	4.000	
1427	TV102 103	Natri clorid	0,9%; 100ml	Dung dịch tiêm truyền	NATRI CLORID 0,9%	VD-21954-14	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 80 chai x 100ml	Chai nhựa PPKB	7.140	Công ty cổ phần Gen Sa	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			
														185.000	2.000	183.000	2.000	2.000	4.000	
1550	TV019 202	Piperacilin Tazobactam	2g + 0,25g	Thuốc bột pha tiêm	Vitazovilin	VD-18409-13	Công ty cổ phần Dược phẩm VCI	Việt nam	Hộp 10 lọ	Lọ	79.700	Công ty TNHH dược phẩm An	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			
														2.000	1.000	1.000	800	1.000	1.800	

STT	STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
11	1651	TV081-102	Sitagliptin	25mg	Viên nén bao phim	Zlatko-25	VD-23924-15	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/3 vỉ x 10 viên	Viên	6.000	Công ty TNHH Một thành viên Sản Ta Việt Nam	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH		
															120.000	5.000	115.000	8.000	5.000	13.000
12	761	TP0121-01	Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydroclorid)	50mcg/ml	Dung dịch tiêm trong bơm tiêm đóng sẵn	Phenylephrine Aguetant 50 microgrammes/ml	VN-2 311-18	Laboratoire Aguetant	Pháp	Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn x 10ml	Bơm tiêm	194.500	Công ty TNHH một thành viên Vinmedinex Bình Dương	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH		
															1.000	200	800	0	200	200
13	1693	TV081-702	Thiamazol	5mg	Viên nén	Mezamazol 1	VD-21298-14	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	567	Công ty TNHH dược phẩm Tân An	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH		
															10.000	2.000	8.000	3.000	2.000	5.000
14	623	TP0804-03	Insulin người (Insulin có nguồn gốc DNA tái tổ hợp)	Insulin người 100IU	Dung dịch tiêm	Insunova - R (Regular)	QLSP-849-15	Biocon Limited	India	Hộp 1 lọ x 10ml	Lọ	94.000	Công ty cổ phần dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															140	40	100	20	40	60
15	899	TV005-901	Allopurinol	300mg	Viên nén	Angut 300	VD-26553-17	CTy TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	v/1 h/100 viên	viên	325	Công ty cổ phần dược Hậu Giang	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN PHÚ			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															65.000	5.000	60.000	0	5.000	5.000

STT trong Danh mục rung thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
674	TP0510-02	Lisinopril	30mg	Viên nén	Auroiza 30	VN-14003-11	Aurobindo Pharma Ltd.	India	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	5.691	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Nam Khang	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV ĐỊNH QUẬN			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														50.000	20.000	30.000	8.000	20.000	38.000	
674	TP0510-02	Lisinopril	30mg	Viên nén	Auroiza 30	VN-14003-11	Aurobindo Pharma Ltd.	India	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	5.691	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Nam Khang	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														60.000	10.000	50.000	8.000	10.000	38.000	
871	TV068-502	Acetyl Leucin	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Vintanil	VN-20275-13	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 50 ống	Ống	12.600	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														10.000	1.000	7.000	300	1.000	1.300	
1305	TV072-664	Lactobacillus acidophilus	10*9 CFU (chủng LA5)	Thuốc bột uống	L-Bio-N	QI.SP-852-15	Công ty Liên Doanh DP Mebiophar-Autrapiharm	Việt Nam	Hộp 30 gói, Hộp 100 gói	Gói	4.980	Công ty TNHH thương mại dược phẩm - thiết bị y tế Thanh Minh	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														270.000	50.000	220.000	10.000	50.000	60.000	
18	TPA00-5901	Allopurinol	100mg	Viên nén	Sadapron 100	VN-9829-10, VN-20971-18	Remedica Ltd	Cyprus	Hộp 05 vỉ x 10 viên	viên	1.750	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	1214/QĐ-SYT	LỮ ĐOÀN 26			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														2.000	2.000	0	9.000	2.000	11.000	

STT	STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
21	1433	TV102106	Natri clorid	3%, 100ml	Dung dịch tiêm truyền	NATRI CLORID 3%	VD-23170-15	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 80 chai x 100ml	Chai	8.199	Công ty cổ phần Gon Sa	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															3.000	200	2.800	50	200	250
22	849	TV014103	Natri Valproate	200mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Encorate	VN-16379-13	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	500	Công ty cổ phần dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG 2			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															1.600.000	10.000	990.000	0	10.000	10.000
23	1130	TV003003	Diclofenac	75mg/3 ml	Dung dịch tiêm	Diclofenac	VD-25829-16	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 ống x 3ml	Ống	1.050	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															16.000	1.000	14.000	0	1.000	1.000
24	1156	TV0069702	Drotaverin clohydrat	40mg/2 ml	Dung dịch tiêm	Vinopa	VD-18008-12	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	Ống	2.877	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN PHÚ			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															4.300	300	4.000	200	300	500
25	1420	TV090502	Naphazolin	7.5mg/15ml, 15ml	Dung dịch nhỏ mũi và xịt mũi	Rhinex 0,5%	VD-23085-15	Công ty cổ phần dược TW 25	Việt Nam	Chai 15ml	Chai	16.000	Công ty cổ phần dược phẩm OPC	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THÔNG NHẤT		
															3.000	50	2.950	0	50	50
26	367	TV0098301	Terbutalin sulfate	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Bricanyl	VN-20227-17	Cenexi	Pháp	Hộp 5 ống x 1ml	Ống	11.990	Công ty cổ phần Dược hiệu Trung Ương 2	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÔNG NHẤT ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THÔNG NHẤT		
															5.700	400	5.300	400	400	800

STT trong Danh mục rung thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
640	TP0506-03	Irbesartan	75mg	viên nén bao phim	SaVi Irbesartan 75	VD-28034-17	Công ty cổ phần dược phẩm SAVI	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	2.990	Công ty cổ phần dược phẩm Vũ Duy	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THÔNG NHẤT			
														450.000	10.000	440.000	20.000	10.000	30.000	
681	TP0512-02	Losartan kali	50mg	Viên nén bao phim	SaVi Losartan 50	VD-29122-18	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	770	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THÔNG NHẤT			
														70.000	10.000	60.000	0	10.000	15.000	
681	TP0512-02	Losartan kali	50mg	Viên nén bao phim	SaVi Losartan 50	VD-29122-18	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	770	Công ty cổ phần dược phẩm Savi	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THÔNG NHẤT			
														100.000	5.000	95.000	0	5.000	15.000	
689	TP0748-01	Mesalazin	500mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	SaVi Mesalazine 500	VD-17946-12	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	8.000	Công ty TNHH dược phẩm An	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THÔNG NHẤT			
														140.000	5.000	135.000	0	5.000	5.000	
1454	TV083-201	Neostigmin metylsulfat	2,5mg/ml	Dung dịch tiêm	ANTIGMIN	VD-26748-17	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	Ống	7.000	Công ty cổ phần Gen Sa	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH			
														1.000	50	950	0	50	50	
360	TPA08-3901	Suxamethonium clorid	100mg/2ml	Bột pha dung dịch tiêm	Suxamethonium Chlorid Vuab 100mg	7386/QLD-KD	VUAB Pharma a.s.	Cộng hòa Séc	Hộp 1 lọ	Lọ	15.603	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Thái An	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH			
														6.500	200	6.300	0	200	200	
37	TPA08-2601	Atracurium besilat	25mg/2,5ml	Dung dịch tiêm	Atracurium-Hamein 10mg/ml	VN-16645-13	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống	Ống	45.000	Công ty TNHH Bình Việt Đức	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG THÀNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH			
														1.000	50	950	0	50	50	

STT	STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
34	1347	TV067003	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	800,4mg + 611,76mg / 5g	Hỗn dịch uống	CHALMÉ	VD-24516-16	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/20 gói x 15g	Gói	3.000	Công ty TNHH Một thành viên San Ta Việt Nam	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH		
															50.000	50.000	0	50.000	50.000	100.000
35	310	TPA057605	Piracetam	1200mg	Viên nén bao phim	Pracetam 1200	VD-18536-13	Chi nhánh công ty TNHH I.D Stada-Việt Nam	Việt Nam	Hộp/10 vỉ x 10 viên	Viên	2.380	Công ty TNHH Một thành viên San Ta Việt Nam	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM		
															10.000	10.000	0	30.000	10.000	40.000
36	1107	TV006901	Cytidin-5monophosphat disodium + uridin	5mg + 3mg	Viên nang	Homol	VD-16719-12	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/3 vỉ x 10 viên, Hộp/9 vỉ x 10 viên	Viên	3.790	Công ty TNHH Một thành viên San Ta Việt Nam	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM		
															10.000	10.000	0	20.000	10.000	30.000
37	1665	TV000021	Spironolacton + Furosemid	50mg + 20mg	Viên nang cứng	Fuspiro	VD-27332-17	SPM	VN	Hộp 3 vỉ x 10 viên	viên	1.200	Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐÔNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
															100.000	20.000	80.000	10.000	20.000	30.000
38	1157	TV069703	Drotaverin hydroclorid	80 mg	Viên nén	Dromasin fort	VD-25169-16	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	693	Công ty TNHH dược phẩm Tân An	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĨNH CỬU			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
															100.000	20.000	80.000	0	20.000	20.000
39	1520	TV004803	Paracetamol	500mg	Viên nén sủi bọt	Tuspi	VD-30636-18	Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 4 viên	Viên	651	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN PHÚ			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
															54.000	10.000	44.000	0	10.000	10.000

STT	Danh mục thuốc	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, bao chế	Tên thương mại	Số đăng ký/GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trung thu (có VAT)	Tên nhà trưng bày	Quốc tế TT số	Đơn vị điều chuyển				Chú
871	TV068	502	Acetyl Leucin	500mg/ 5ml	Dung dịch tiêm	Viantanil	VD-20275-13	Công ty cổ phần dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Hộp 50 ống	Ống	12.600	Công ty cổ phần dược phẩm Vinh Phúc	1214/QD-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRÁCH				TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
1309	TV004	801	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Thuốc dân	Biragan 150	VD-21236-14	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Viên	1.449	Công ty cổ phần dược trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	1214/QD-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM				TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
1402	TV004	301	Morphin (hydrochlorid, sulfat)	10mg/1 ml	Dung dịch tiêm	Morphin d (Morphin hydrochlorid)	VD-24315-16	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml; ống x 25 ống x 1ml	Ống	4.200	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Codupha	1280/QD-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH				TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
164	TPA08	0002	Gliclazid	30mg	Viên nén giải phóng có kiểm soát	Goldicron	VN-18660-15	Valpharma International S.p.a	Italy	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Viên	2.709	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	1214/QD-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐÔNG NAI				TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
421	TP0971	01	Aminophyllin	48mg/ 5ml	Dung dịch thuốc tiêm	Diaphyllin Venosum	VN-19654-16	Gedeon Richter Plc.	Hungary	Hộp 5 ống 5ml	Ống	10.815	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre	1214/QD-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ				TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
1419	TV011	401	Naloxon (hydrochlorid)	0,4mg/ml	Dung dịch tiêm	BFS-Naloxone	VD-23379-15	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 10 ống	Ống	29.400	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương CPC1	1214/QD-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRÁCH				TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC
															1.000	200	800	0	200
															1.100	400	700	300	400
															160.000	100.000	360.000	0	100.000
															15.000	1.500	13.500	700	1.500
															5.000	1.000	4.000	0	1.000
															10.000	2.000	7.000	0	2.000

STT	STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
46	1113	TV076502	Dexamethason	4mg/1ml	Dung dịch tiêm	Dexamethason	VD-25716-16	Công ty CPEP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 ống 1ml	Ống	805	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
															12.000	100	11.900	50	100	150
47	1155	TV069701	Drotaverin	40mg	Viên nén	Drotaverin	VD-25706-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	194	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
															150.000	40.000	110.000	50.000	40.000	90.000
48	746	TP004806	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Viên nén sủi bọt	Paracetamol eff	VD-24570-16	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Stada - Việt Nam	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 4 viên, hộp 1 tuýp 10 viên, hộp 2 tuýp x 10 viên	Viên	1.400	Công ty cổ phần dược phẩm Tây Ninh	1214/QĐ-SYT	BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
															50.000	40.000	10.000	0	40.000	40.000
49	624	TP080401	Insulin aspart	insulin aspart, 100IU/ml, 3ml	Dung dịch tiêm	Novorapid FlexPen	QLSP-0674-13	Novo Nordisk A/S	Đan Mạch	Hộp 05 bút tiêm nạp sẵn 3.0ml	Bút	225.000	Công ty TNHH một thành viên Vinomedimex Bình Dương	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC		
															300	20	280	0	20	20
50	321	TPA002102	Propofol 1% (10mg/ml)	1%, 20ml	Nhũ tương để tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Fresofol 1% Mct/Lct	VN-17438-13	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 5 ống 20ml	Ống	38.000	Công ty cổ phần Dược liệu Trung Ương 2	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU ĐỒNG NAI		
															3.000	30	2.970	20	30	50

STT trong Danh mục rung thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
331	TPA083801	Rocuronium Bromide 10mg/ml	10mg/ml; 5ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 10 lọ 5ml	Lọ	59.000	Công ty cổ phần Dược liệu Trung Ương 2	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU ĐỒNG NAI			
														5.000	100	4.900	0	100	100	
360	TPA083901	Suxamethonium Chlorid	100mg/2ml	Bột pha dung dịch tiêm	Suxamethonium Chlorid Vuab 100mg	7386/QLD-KD	VUAB Pharina a.s.	Cộng hòa Séc	Hộp 1 lọ	Lọ	15.603	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Thái An	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU ĐỒNG NAI			
														3.000	50	2.950	50	50	100	
1830	TT080801	Metformin + Glibencламид	500mg + 5mg	viên nén bao phim	GLIRITD HG 500MG/5 MG	VD-24599-16	Cty TNHH MTV Dược phẩm DHG	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	2.700	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	1214/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN PHÚ			BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU ĐỒNG NAI			
														42.000	22.000	20.000	50.000	22.000	72.000	
267	TPA102502	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g, triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g, dầu cá tinh chế 3g	20%; 100ml	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	SMOFlipid 20%	VN-19955-16	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Chai 100ml	Chai	98.000	Công ty cổ phần Dược liệu Trung Ương 2	214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU ĐỒNG NAI			
														2.000	10	1.990	0	10	10	

STT	STT trong Danh mục trung thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trung thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
55	151	TPA000601	Fentanyl	0,1mg/2ml	Dung dịch tiêm	Fentanyl 0,1mg-Rotexmedica	VN-18441-14	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Đức	Hộp 10 ống x 2ml	Ống	11.800	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương Codupha	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÔNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU ĐỒNG NAI		
															30.000	200	29.800	0	200	200
56	247	TPA001501	Midazolam	5mg/ml	Dung dịch tiêm	Pacitlam	VN-19061-15	Hamel Pharmaceuticals GmbH	Đức	Hộp 10 ống 1ml	Ống	18.480	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương Codupha	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÔNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU ĐỒNG NAI		
															12.000	30	11.970	0	30	30
57	1820	TT050601	Irbesartan	150mg	Viên nén	IRBESARTAN 150MG	VD-27382-17	Cty CP XNK Y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	3.490	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	1214/QĐ-SYT	LỮ ĐOÀN 25			BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU ĐỒNG NAI		
															100.000	100.000	0	0	100.000	150.000
58	1820	TT050601	Irbesartan	150mg	Viên nén	IRBESARTAN 150MG	VD-27382-17	Cty CP XNK Y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	3.490	Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	1214/QĐ-SYT	LỮ ĐOÀN 26			BỆNH VIỆN ĐA KHOA CAO SU ĐỒNG NAI		
															100.000	50.000	50.000	0	50.000	150.000
59	281	TPA095303	Olanzapin	5mg	Viên nén phân tán tại miệng	Nykob	VN 19853-16	Genepharma SA	Hy Lạp	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	4.893	Công ty TNHH dược phẩm Đức Anh	1214/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG 2		
															20.000	20.000	0	30.000	20.000	50.000

Tổng cộng: 49 mặt hàng